

**BẢO HIỂM XÃ HỘI TP. HỒ CHÍ MINH
BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78 /CV-BHXH

Củ Chi, ngày 09 tháng 3 năm 2017

V/v phối hợp thực hiện chính sách
BHXH, BHYT, BHTN

**PHÒNG GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO CỬ CHI**

ĐẾN Số: 193
Ngày: 09.3.2017

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi.

Chuyên: Căn cứ nội dung làm việc ngày 8 tháng 3 năm 2017, Bảo hiểm xã hội huyện kiến nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp thực hiện một số nội dung như sau:

Lưu hồ sơ số:

1. Về tình hình khai báo, trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN của các đơn vị thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý:

Hiện nay một số đơn vị trường học trên địa bàn vẫn còn tình trạng chậm khai báo, chậm trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động tại đơn vị. Việc đơn vị khai báo trễ sẽ bị tính lãi truy thu (cụ thể là báo tăng lao động tham gia BHXH trễ 30 ngày hoặc báo điều chỉnh mức đóng BHXH trễ hơn 6 tháng kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền), đơn vị nộp tiền BHXH trễ từ 30 ngày trở lên đã bị tính lãi phạt chậm nộp (lãi suất BHXH, BHTN hiện tại là 1,317%/tháng; lãi BHYT là 0,967%/tháng). Các khoản lãi này thường các đơn vị không thanh toán đủ dẫn đến tình trạng nợ BHXH kéo dài.

Để đảm bảo giải quyết kịp thời quyền lợi BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động (đặc biệt là chế độ hưu trí), Bảo hiểm xã hội huyện đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo huyện nhắc nhở, chỉ đạo các đơn vị thực hiện khai báo tăng giảm lao động, điều chỉnh mức đóng BHXH kịp thời khi có phát sinh; Thực hiện việc trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN hàng tháng theo đúng quy định của Luật BHXH, Luật BHYT; Rà soát đối chiếu lại nhân thân, quá trình lương đóng BHXH của từng lao động để phát hiện và điều chỉnh kịp thời những trường hợp sai lệch (dữ liệu do BHXH huyện cung cấp).

Vào ngày 10 của tháng sau, Bảo hiểm xã hội huyện cung cấp danh sách các đơn vị vi phạm chế độ trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN của tháng trước cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.

2. Tình hình thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN tại các cơ sở Mầm non ngoài công lập:

Theo số liệu của Phòng Giáo dục và Đào tạo cung cấp, hiện nay trên địa bàn huyện có 88 đơn vị mầm non ngoài công lập, sử dụng 703 lao động thuộc diện bắt buộc tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Tuy nhiên theo số liệu cơ quan BHXH quản lý, chỉ có 12 đơn vị đang tham gia BHXH cho 152 lao động. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện có biện pháp chỉ đạo, nhắc nhở các đơn vị thực hiện đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về thực hiện BHYT học sinh sinh viên năm học 2016-2017:

Thực hiện hướng dẫn liên tịch số 2377/HDLT-SGD&ĐT- BHXH ngày 28/09/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo – Bảo hiểm xã hội Tp. Hồ Chí Minh, Bảo hiểm xã hội huyện đã phối hợp với các đơn vị trường học tổ chức triển khai thực hiện, tuy nhiên đến nay tỷ lệ học sinh tham gia BHYT còn rất thấp, chỉ đạt trung bình 75%. Một số đơn vị đạt tỷ lệ dưới 50% (danh sách đính kèm). Do một số nguyên nhân như sau:

- Trên địa bàn huyện có khoảng hơn 5.000 HSSV tham gia BHYT theo các nhóm đối tượng khác (hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân sĩ quan công an, quân đội, gia đình có công, chính sách...). Hiện nay các trường chưa thu thập và thực hiện kê khai đầy đủ, đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chỉ đạo các trường thực hiện rà soát, kê khai để được trích chuyển kinh phí CSSKBD cho các đối tượng này, đồng thời nâng tỷ lệ HSSV tham gia BHYT của trường.

- Hiện nay có một số trường chưa tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động học sinh tham gia BHYT, thậm chí từ chối thu khi học sinh có nhu cầu. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chỉ đạo các trường tiếp tục đôn đốc, vận động học sinh tham gia, đảm bảo 100% học sinh tham gia BHYT.

Trên đây là một số nội dung phối hợp thực hiện BHXH, BHYT đối với các đơn vị, trường học trực thuộc, rất mong Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD BHXH huyện (báo cáo);
- Lưu: VT, bp Thu.



KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

Đào Anh Kiệt

BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BHYT HSSV NĂM HỌC 2016-2017

| STT | TÊN TRƯỜNG | MÃ ĐV | ĐV QUẢN LÝ | TỔNG SỐ HS ĐANG QUẢN LÝ | HS tham gia | HS có thẻ khác | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-----------|---|---------|------------|-------------------------|---------------|----------------|---------------|---------|
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4=(2+3)/1 | 5 |
| I | KHỐI TIỂU HỌC | | | 34,471 | 26,646 | 324 | 78.24% | |
| 1 | Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật H. Củ Chi | BD0067Q | Phòng GD | 107 | 34 | 0 | 31.78% | |
| 2 | Trường Tiểu Học An Phú 2 | BD0071Q | Phòng GD | 604 | 300 | 2 | 50.00% | |
| 3 | Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng | BD0022Q | Phòng GD | 577 | 337 | 3 | 58.93% | |
| 4 | Trường Tiểu Học Bình Mỹ | BD0033Q | Phòng GD | 496 | 308 | 0 | 62.10% | |
| 5 | Trường Tiểu Học Trung An | BD0068Q | Phòng GD | 1,533 | 973 | 0 | 63.47% | |
| 6 | Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội | BD0021Q | Phòng GD | 1,022 | 650 | 14 | 64.97% | |
| 7 | Trường Tiểu Học An Nhơn Đông | BD0051Q | Phòng GD | 716 | 458 | 0 | 63.97% | |
| 8 | Trường Tiểu Học An Phú 1 | BD0060Q | Phòng GD | 448 | 287 | 0 | 64.06% | |
| 9 | Trường Tiểu Học Trần Văn Châm | BD0001Q | Phòng GD | 760 | 502 | 4 | 66.58% | |
| 10 | Trường Tiểu Học An Nhơn Tây | BD0004Q | Phòng GD | 702 | 468 | 0 | 66.67% | |
| 11 | Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông | BD0042Q | Phòng GD | 1,318 | 880 | 0 | 66.77% | |
| 12 | Trường Tiểu Học Tân Tiến | BD0063Q | Phòng GD | 1,253 | 852 | 9 | 68.72% | |
| 13 | Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An | BD0048Q | Phòng GD | 618 | 414 | 50 | 75.08% | |
| 14 | Trường Tiểu Học Tân Phú Trung | BD0003Q | Phòng GD | 2,007 | 1,493 | 0 | 74.39% | |
| 15 | Trường Tiểu Học Hòa Phú | BD0066Q | Phòng GD | 1,375 | 1,045 | 2 | 76.15% | |
| 16 | Trường Tiểu Học Tân Thông | BD0073Q | Phòng GD | 1,341 | 1,030 | 0 | 76.81% | |
| 17 | Trường Tiểu Học Lê Văn Thê | BD0019Q | Phòng GD | 567 | 437 | 5 | 77.95% | |
| 18 | Trường Tiểu Học Nhuận Đức 2 | BD0059Q | Phòng GD | 363 | 282 | 1 | 77.96% | |
| 19 | Trường Tiểu Học Thái Mỹ | BD0050Q | Phòng GD | 1,060 | 832 | 0 | 78.49% | |
| 20 | Trường Tiểu Học An Phước | BD0025Q | Phòng GD | 492 | 388 | 0 | 78.86% | |
| 21 | Trường Tiểu Học Tân Thành | BD0020Q | Phòng GD | 1,129 | 892 | 117 | 89.37% | |
| 22 | Trường Tiểu Học Phước Hiệp | BD0023Q | Phòng GD | 838 | 673 | 14 | 81.98% | |
| 23 | Trường Tiểu Học Nhuận Đức | BD0034Q | Phòng GD | 317 | 247 | 9 | 80.76% | |
| 24 | Trường Tiểu Học Bình Mỹ 2 | BD0002Q | Phòng GD | 1,022 | 833 | 0 | 81.51% | |
| 25 | Trường Tiểu Học Tân Thạnh Tây | BD0045Q | Phòng GD | 1,171 | 981 | 3 | 84.03% | |
| 26 | Trường Tiểu Học Trung Lập Hạ | BD0006Q | Phòng GD | 554 | 466 | 0 | 84.12% | |
| 27 | Trường Tiểu Học Tân Thông Hội | BD0036Q | Phòng GD | 600 | 494 | 12 | 84.33% | |
| 28 | Trường TH Tân Thạnh Đông 3 | BD0015Q | Phòng GD | 1,136 | 959 | 0 | 84.42% | |
| 29 | Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông 2 | BD0026Q | Phòng GD | 566 | 478 | 8 | 85.87% | |
| 30 | Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Lịch | BD0061Q | Phòng GD | 661 | 565 | 16 | 87.90% | |
| 31 | Trường Tiểu Học Liên Trung | BD0018Q | Phòng GD | 355 | 304 | 0 | 85.63% | |
| 32 | Trường Tiểu Học Phước Thạnh | BD0024Q | Phòng GD | 963 | 831 | 0 | 86.29% | |
| 33 | Trường Tiểu Học Tân Phú | BD0030Q | Phòng GD | 1,634 | 1,411 | 6 | 86.72% | |
| 34 | Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi | BD0039Q | Phòng GD | 1,659 | 1,455 | 6 | 88.07% | |
| 35 | Trường Tiểu Học Trung Lập Thượng | BD0005Q | Phòng GD | 402 | 355 | 6 | 89.80% | |
| 36 | Trường Tiểu Học Lê Thị Pha | BD0011Q | Phòng GD | 546 | 483 | 21 | 92.31% | |
| 37 | Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông 2 | BD0044Q | Phòng GD | 1,273 | 1,127 | 0 | 88.53% | |
| 38 | Trường Tiểu Học Liên Minh CNông | BD0031Q | Phòng GD | 834 | 746 | 0 | 89.45% | |
| 39 | Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi 2 | BD0040Q | Phòng GD | 408 | 376 | 9 | 94.36% | |
| 40 | Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông | BD0043Q | Phòng GD | 1,044 | 1,000 | 7 | 96.46% | |
| II | KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ | | | 22,358 | 15,771 | 200 | 71.43% | |
| 41 | Trường THCS Phú Mỹ Hưng | BD0037Q | Phòng GD | 418 | 141 | 0 | 33.73% | |
| 42 | Trường THCS An Phú | BD0065Q | Phòng GD | 495 | 205 | 33 | 48.08% | |
| 43 | Trường THCS Hòa Phú | BD0032Q | Phòng GD | 866 | 458 | 0 | 52.89% | |

| STT | TÊN TRƯỜNG | MÃ ĐV | ĐV QUẢN LÝ | TỔNG SỐ HS ĐANG QUẢN LÝ | HS tham gia | HS có thẻ khác | TỶ LỆ | GHI |
|-----|----------------------------|---------|------------|-------------------------|---------------|----------------|---------------|-----|
| 44 | Trường THCS Tân Thông Hội | BD0047Q | Phòng GD | 1,326 | 707 | 0 | 53.32% | |
| 45 | Trường THCS Phạm Văn Cội | BD0053Q | Phòng GD | 634 | 345 | 6 | 55.36% | |
| 46 | Trường THCS An Nhơn Tây | BD0007Q | Phòng GD | 1,077 | 626 | 5 | 58.59% | |
| 47 | Trường THCS Phú Hòa Đông | BD0041Q | Phòng GD | 1,224 | 739 | 9 | 61.11% | |
| 48 | Trường THCS Trung An | BD0076Q | Phòng GD | 847 | 530 | 0 | 62.57% | |
| 49 | Trường THCS Bình Hòa | BD0057Q | Phòng GD | 1,106 | 726 | 0 | 65.64% | |
| 50 | Trường THCS Phước Vĩnh An | BD0009Q | Phòng GD | 864 | 572 | 0 | 66.20% | |
| 51 | Trường THCS Trung Lập Hạ | BD0029Q | Phòng GD | 499 | 334 | 0 | 66.93% | |
| 52 | Trường THCS Tân Thạnh Tây | BD0075Q | Phòng GD | 784 | 534 | 0 | 68.11% | |
| 53 | Trường THCS Nhuận Đức | BD0038Q | Phòng GD | 427 | 327 | 0 | 76.58% | |
| 54 | Trường THCS Phước Hiệp | BD0072Q | Phòng GD | 625 | 479 | 0 | 76.64% | |
| 55 | Trường THCS Tân Tiến | BD0017Q | Phòng GD | 819 | 638 | 3 | 78.27% | |
| 56 | Trường THCS Tân Phú Trung | BD0049Q | Phòng GD | 2,266 | 1,774 | 0 | 78.29% | |
| 57 | Trường THCS Trung Lập | BD0062Q | Phòng GD | 910 | 722 | 21 | 81.65% | |
| 58 | Trường THCS Phước Thạnh | BD0008Q | Phòng GD | 980 | 786 | 0 | 80.20% | |
| 59 | Trường THCS Nguyễn Văn Xơ | BD0035Q | Phòng GD | 740 | 597 | 0 | 80.68% | |
| 60 | Trường THCS Tân Thạnh Đông | BD0027Q | Phòng GD | 2,428 | 1,969 | 0 | 81.10% | |
| 61 | Trường THCS Tân An Hội | BD0077Q | Phòng GD | 729 | 632 | 7 | 87.65% | |
| 62 | Trường THCS Thị Trấn 2 | BD0058Q | Phòng GD | 1,507 | 1,235 | 116 | 89.65% | |
| 63 | Trường THCS Thị Trấn | BD0052Q | Phòng GD | 787 | 695 | 0 | 88.31% | |
| | Cộng | | | 56,829 | 42,417 | 524 | 75.56% | |

LẬP BIỂU



Nguyễn Văn Chính

Ngày 9 tháng 3 năm 2017
GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐƠN VỊ VI PHẠM CHẾ ĐỘ TRÍCH NỘP BHXH, BHYT, BHTN
 (Số liệu tính đến 28/02/2017)

| STT | MÃ ĐV | TÊN ĐƠN VỊ | SLD | SỐ TIỀN NỘ | SỐ THÁNG | TỶ LỆ NỘ | GHI CHÚ |
|------------|----------------------|---|--------------|----------------------|----------|----------|---------|
| I | KHỐI MẦM NON | | 519 | 1,643,302,256 | | | |
| 1 | SQ0090Q | Trường Mầm Non An Nhơn Tây | 33 | 69,710,388 | 2 | 1.54 | |
| 2 | SQ0091Q | Trường Mầm Non Hoàng Minh Đạo | 24 | 45,581,144 | 2 | 1.65 | |
| 3 | SQ0093Q | Trường Mầm Non Phú Hòa Đông | 47 | 118,399,764 | 2 | 1.8 | |
| 4 | SQ0078Q | Trường Mầm Non An Phú | 32 | 82,229,575 | 2 | 1.82 | |
| 5 | SQ0087Q | Trường Mầm Non Thái Mỹ | 34 | 90,062,444 | 2 | 1.83 | |
| 6 | SQ0085Q | Trường Mầm Non Thị Trấn Củ Chi 2 | 54 | 145,057,511 | 2 | 1.94 | |
| 7 | SQ0089Q | Trường Mầm Non Nhuận Đức | 25 | 98,689,301 | 2 | 1.94 | |
| 8 | SQ0088Q | Trường Mầm Non Trung Lập Hạ | 22 | 75,038,419 | 2 | 1.97 | |
| 9 | SQ0082Q | Trường Mầm Non Tân Thông Hội 3 | 20 | 62,133,137 | 2 | 1.98 | |
| 10 | SQ0074Q | Trường Mầm Non Thị Trấn Củ Chi 3 | 43 | 148,980,952 | 2 | 2 | |
| 11 | SQ0086Q | Trường Mầm Non Phước Hiệp | 14 | 43,908,594 | 2 | 2 | |
| 12 | SQ0092Q | Trường Mầm Non Phạm Văn Cội 2 | 16 | 37,573,350 | 2 | 2 | |
| 13 | SQ0095Q | Trường Mầm Non Tân Thạnh Đông | 46 | 112,207,662 | 3 | 2.06 | |
| 14 | SQ0075Q | Trường Mầm Non Tân Thông Hội 1 | 27 | 85,330,131 | 3 | 2.49 | |
| 15 | SQ0076Q | Trường Mầm Non Phạm Văn Cội 1 | 31 | 92,815,335 | 3 | 2.54 | |
| 16 | SQ0098Q | Trường Mầm Non Bình Mỹ | 21 | 94,660,224 | 4 | 3.54 | |
| 17 | SQ0100Q | Trường Mầm Non Trung Lập Thượng | 30 | 240,924,325 | 5 | 5 | |
| II | KHỐI TIỂU HỌC | | 809 | 2,451,728,885 | | | |
| 18 | SQ0051Q | Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng | 36 | 65,364,925 | 2 | 1.28 | |
| 19 | SQ0047Q | Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông 2 | 27 | 51,611,055 | 2 | 1.35 | |
| 20 | SQ0018Q | Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật H. Củ Chi | 17 | 42,115,171 | 2 | 1.45 | |
| 21 | SQ0041Q | Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An | 28 | 62,652,463 | 2 | 1.46 | |
| 22 | SQ0028Q | Trường Tiểu Học Phước Hiệp | 36 | 101,987,365 | 2 | 1.55 | |
| 23 | SQ0021Q | Trường Tiểu Học Tân Phú Trung | 70 | 162,442,481 | 2 | 1.63 | |
| 24 | SQ0054Q | Trường Tiểu Học Tân Tiến | 51 | 153,778,876 | 2 | 1.68 | |
| 25 | SQ0020Q | Trường Tiểu Học Tân Phú | 57 | 173,530,475 | 2 | 1.75 | |
| 26 | SQ0025Q | Trường Tiểu Học Lê Thị Pha | 29 | 92,002,734 | 2 | 1.75 | |
| 27 | SQ0029Q | Trường Tiểu Học Phước Thạnh | 45 | 130,067,038 | 2 | 1.78 | |
| 28 | SQ0050Q | Trường Tiểu Học Bình Mỹ 2 | 42 | 126,007,962 | 2 | 1.8 | |
| 29 | SQ0037Q | Trường Tiểu Học An Phú 1 | 33 | 88,391,632 | 2 | 1.82 | |
| 30 | SQ0049Q | Trường Tiểu Học Bình Mỹ | 28 | 87,071,082 | 2 | 1.96 | |
| 31 | SQ0118Q | Trường Tiểu Học Tân Thông Hội | 61 | 175,247,486 | 2 | 1.97 | |
| 32 | SQ0033Q | Trường Tiểu Học Trung Lập Hạ | 32 | 124,324,638 | 2 | 1.98 | |
| 33 | SQ0024Q | Trường Tiểu Học Tân Thành | 46 | 152,910,293 | 2 | 2 | |
| 34 | SQ0044Q | Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông 2 | 44 | 159,850,535 | 2 | 2 | |
| 35 | SQ0038Q | Trường Tiểu Học Nhuận Đức | 20 | 79,061,283 | 3 | 2.11 | |
| 36 | SQ0106Q | Trường Tiểu Học An Phú 2 | 31 | 110,678,041 | 3 | 2.11 | |
| 37 | SQ0036Q | Trường Tiểu Học An Nhơn Tây | 36 | 155,983,881 | 3 | 2.3 | |
| 38 | SQ0035Q | Trường Tiểu Học An Nhơn Đông | 40 | 156,649,469 | 3 | 2.39 | |
| III | KHỐI THCS | | 350 | 1,208,113,453 | | | |
| 39 | SQ0062Q | Trường THCS Trung Lập | 63 | 126,777,640 | 2 | 1.2 | |
| 40 | SQ0060Q | Trường THCS Phước Thạnh | 53 | 187,364,281 | 2 | 1.84 | |
| 41 | SQ0120Q | Trường THCS Trung An | 43 | 134,531,158 | 2 | 1.84 | |
| 42 | SQ0072Q | Trường THCS Nhuận Đức | 39 | 126,015,774 | 3 | 2.02 | |
| 43 | SQ0058Q | Trường THCS Thị Trấn | 48 | 167,124,361 | 3 | 2.07 | |
| 44 | SQ0064Q | Trường THCS Phú Hòa Đông | 74 | 314,669,537 | 3 | 2.26 | |
| 45 | SQ0112Q | Trường THCS Phú Mỹ Hưng | 30 | 151,630,702 | 3 | 2.67 | |
| | | Tổng cộng | 1,678 | 5,303,144,594 | | | |

LẬP BẢNG

Chữ ký

Nguyễn Văn Chính



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Đào Anh Kiệt